

NGHIÊN CỨU, VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP QUẢN LÝ TRƯỜNG HỢP TRONG HỖ TRỢ ĐÀO TẠO NGHỀ CHO TRẺ EM LAO ĐỘNG SỚM TỪ 15 TUỔI ĐẾN DƯỚI 18 TUỔI Ở KHU VỰC NÔNG THÔN

Lê Thị Hồng Hạnh

*Trung tâm Nghiên cứu Khoa học xã hội và Nhân văn, Trường Đại học An Giang,
Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Email: lthhanh@agu.edu.vn

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 08/3/2021; Ngày nhận chỉnh sửa: 04/5/2021; Ngày duyệt đăng: 28/8/2021

Tóm tắt

Quản lý trường hợp là một trong những phương pháp thực hành của công tác xã hội. Phương pháp này là chủ đề được nghiên cứu và ứng dụng rộng khắp ở các quốc gia trên thế giới trong nhiều lĩnh vực khác nhau của công tác xã hội, trong đó có lĩnh vực hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho các đối tượng yếu thế. Dựa trên các tài liệu nghiên cứu về quản lý trường hợp và hỗ trợ đào tạo nghề, bài viết cung cấp cơ sở lý luận và khuyến nghị các bước cần thiết để thực hiện quản lý trường hợp trong hỗ trợ đào tạo nghề cho trẻ em lao động sớm (lao động trẻ em) trong bối cảnh phát triển nông thôn ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: *Hỗ trợ đào tạo nghề, quản lý trường hợp, trẻ em lao động sớm (lao động trẻ em).*

A RESEARCH ON APPLYING CASE MANAGEMENT METHOD IN VOCATIONAL TRAINING FOR IN-SERVICE CHILDREN AGED 15 TO UNDER 18 IN RURAL AREAS

Le Thi Hong Hanh

*Social Sciences and Humanities Research Center, An Giang University,
Viet Nam National University, Ho Chi Minh City, Vietnam*

Email: lthhanh@agu.edu.vn

Article history

Received: 08/3/2021; Received in revised form: 04/5/2021; Accepted: 28/8/2021

Abstract

Case management is one of the social work methods in practice. It is researched and applied worldwide in several fields of social work; including vocational trainings and job creating for the vulnerable people. Based on the relevant literature, the article provides conceptualizations and recommends necessary steps for case management in vocational trainings for in-service children (child labour) in current Vietnam's rural development context.

Keywords: *Case management, child labour, vocational training support.*

DOI: DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.11.1.2022.931>

Trích dẫn: Lê, T. H. H. (2022). Nghiên cứu, vận dụng phương pháp quản lý trường hợp trong hỗ trợ đào tạo nghề cho trẻ em lao động sớm từ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi ở khu vực nông thôn. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 11(1), 109-120. <https://doi.org/10.52714/dthu.11.1.2022.931>.

1. Đặt vấn đề

Công tác dạy nghề được Đảng và Nhà nước ta xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng lao động, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh quốc phòng, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Vì vậy, trong những năm qua, hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN) ở nước ta đã được phát triển rộng khắp từ thành thị đến nông thôn và ngày càng được đầu tư, sắp xếp, quy hoạch theo hướng mở, linh hoạt, đáp ứng được nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Theo báo cáo GDNN Việt Nam năm 2018 của Viện Khoa học GDNN (2019), tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, Việt Nam có tổng số 1.948 cơ sở GDNN. Sau một năm tiếp tục triển khai đề án sắp xếp mạng lưới cơ sở GDNN trên cả nước, đến năm 2020, Việt Nam còn 1.917 cơ sở, trong đó có 400 trường cao đẳng, 492 trường trung cấp và 1025 trung tâm GDNN (Đỗ, 2009). Ở khu vực nông thôn, trong 10 năm qua (từ năm 2009 đến năm 2019), đã có 9,6 triệu lao động nông thôn được học nghề, trong đó số lao động nông thôn được hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo nghề dưới 3 tháng là 5,59 triệu người, đạt 87% mục tiêu của Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” (Đề án 1956), (Đức, 2020). Tuy nhiên, trong tổng số lao động nông thôn được hỗ trợ đào tạo nghề thì tỷ lệ trẻ vị thành niên (từ đủ 15 đến dưới 18 tuổi) được ưu tiên tham gia học nghề còn hạn chế do kết quả đầu ra của các chương trình này đều yêu cầu ít nhất 80% học viên học nghề phải tìm thấy việc làm hoặc áp dụng kiến thức đã học vào công việc hiện tại, trong khi đó, trẻ vị thành niên chưa đủ tuổi lao động chính thức, kinh nghiệm còn non trẻ nên các doanh nghiệp địa phương thường không muốn thuê các em, kể cả những công việc nhẹ nhàng theo quy định của Luật Lao động. Thêm vào đó, trẻ vị thành niên, đặc biệt là với những trẻ em đã bỏ học hoặc học lực kém và thuộc hộ nghèo/cận nghèo phải tham gia lao động phụ giúp gia đình thì việc đăng ký vào học tại các trường cao đẳng hoặc trung cấp nghề, cơ sở GDNN khác là không dễ dàng. Theo báo cáo “Đào tạo nghề, hướng nghiệp và việc làm cho trẻ vị thành niên (người từ đủ 15 đến dưới 18 tuổi)” của Viện Khoa học GDNN và tổ chức UNICEF (2019) cho thấy công tác đào tạo nghề được tích hợp vào nhiều chính sách khác nhau nhằm hỗ trợ trẻ em từ đủ 15 đến dưới 18 tuổi, nhưng các cơ sở GDNN vẫn gặp khó khăn trong việc tiếp cận các

em ngoài nhà trường, sự lựa chọn nghề nghiệp của trẻ bị ảnh hưởng bởi chuẩn mực giới, trẻ ít hứng thú trong học tập và sau đào tạo, các doanh nghiệp ít khi tuyển dụng trẻ từ 15 đến 18 tuổi vì trẻ thiếu kỹ năng chuyên môn và lo ngại về thủ tục pháp lý.

Quản lý trường học (QLTH) là một trong những công cụ can thiệp của công tác xã hội (CTXH) thực hành. Hiện nay, phương pháp này đã và đang được nhân viên xã hội chuyên nghiệp ứng dụng để hỗ trợ cá nhân, gia đình tiếp cận với các nguồn lực và dịch vụ an sinh xã hội cũng như giải quyết vấn đề, tăng cường năng lực và phát triển bản thân. Trong tiến trình làm việc, nhân viên xã hội sẽ đánh giá nhu cầu của đối tượng, xác định điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân, gia đình và cộng đồng cũng như nguồn lực của họ để điều phối, kết nối, tổ chức thực hiện, giám sát và lượng giá tiến trình giúp đỡ. Trong phát triển xã hội, QLTH được xem là phù hợp để thực hiện các hoạt động của CTXH tại bệnh viện, trường học và cộng đồng (điều phối và nâng cao chất lượng của các dịch vụ xã hội tại cộng đồng). Nhiều nghiên cứu lý luận và thực tiễn trên thế giới về CTXH cho thấy QLTH có khả năng áp dụng ở nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó có lĩnh vực giáo dục nhân cách, giáo dục trung học phổ thông, giáo dục hòa nhập, học hỏi suốt đời, đào tạo nghề nghiệp cũng như trợ giúp việc làm cho người chưa thành niên, người nhập cư, di cư, người chịu ảnh hưởng của thiên tai, biến đổi khí hậu và dịch bệnh... Các hoạt động này có thể được thực hiện ở cả nông thôn, thành thị cũng như được vận hành bởi nhiều tổ chức, cá nhân với nguồn lực tài chính khác nhau (công hoặc tư). Tại Việt Nam, QLTH vẫn còn là một phương pháp can thiệp khá mới trong thực hành CTXH, đặc biệt là trong hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề cho lực lượng lao động nông thôn, trong đó có người chưa thành niên (trẻ em) ở khu vực này.

2. Hỗ trợ đào tạo nghề cho trẻ em lao động sớm ở khu vực nông thôn

2.1. Khái niệm trẻ em và lao động trẻ em

Trong pháp luật quốc tế, trẻ em được định nghĩa là người dưới 18 tuổi (Điều 1 Công ước Liên Hợp Quốc về quyền trẻ em, 1989 (CRC) và Điều 2 Công ước 182 của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) về xóa bỏ những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, 1999).

Trong Luật Trẻ em 2016 của Việt Nam, trẻ em được định nghĩa là người dưới 16 tuổi (Quốc hội, 2016). Bên cạnh khái niệm trẻ em, pháp luật Việt

Nam còn có khái niệm “người chưa thành niên”. Tùy theo từng ngành luật cụ thể như dân sự, hành chính, hình sự, hôn nhân gia đình, lao động thì khái niệm người chưa thành niên được sử dụng ít nhiều khác nhau, song có một đặc điểm chung của người chưa thành niên là người lao động dưới 18 tuổi (Theo Điều 18 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: Người chưa đủ 18 tuổi là người chưa thành niên (Quốc hội, 2015); Còn theo qui định tại Điều 161 Bộ luật Lao động 2012 thì người lao động chưa thành niên là người lao động dưới 18 tuổi (Quốc hội, 2012).

Lao động trẻ em được nhận diện thông qua độ tuổi, giờ làm việc, loại công việc, nơi làm việc được xem là nguy hại cho người dưới 18 tuổi theo Công ước 138 (tuổi lao động tối thiểu) và 182 (xóa bỏ mọi hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất) của Tổ chức Lao động quốc tế. Dựa trên Công ước 138, Công ước 182 và các qui định có liên quan trong các văn bản pháp luật của Việt Nam thì trẻ em và người chưa thành niên được coi là lao động trẻ em nếu rơi vào một trong các bối cảnh bất kỳ sau đây:

Trẻ em dưới 13 tuổi bị xem là lao động trẻ em nếu làm bất kỳ công việc nào khác ngoài những công việc được quy định tại Thông tư số 11/2013/TT-LĐTBXH (Diễn viên: múa, hát xiếc, điện ảnh, sân khấu kịch, tuồng, chèo, cải lương, múa rối (trừ múa rối dưới nước) và vận động viên năng khiếu: thể dục dụng cụ, bơi lội, điền kinh (trừ tạ xích), bóng bàn, cầu lông, bóng rổ, bóng ném, bi-a, bóng đá, các môn võ, đá cầu, cầu mây, cờ vua, cờ tướng, bóng chày) và thời gian làm việc vượt quá 04 giờ/ngày và tổng cộng vượt quá 20 giờ/tuần (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (LĐTBXH), 2013).

Trẻ em từ đủ 13 đến dưới 15 tuổi sẽ bị xem là lao động trẻ em nếu làm bất kỳ công việc và hoạt động kinh tế nào khác ngoài những công việc được qui định tại thông tư số 11/2013/TT-LĐTBXH (Các nghề truyền thống; các nghề thủ công mỹ nghệ; đan lát, làm các đồ gia dụng, đồ thủ công mỹ nghệ từ nguyên liệu tự nhiên; nuôi tằm; gói kẹo dứa) và thời gian làm việc vượt quá 04 giờ/ngày và tổng cộng vượt quá 20 giờ/tuần.

Người chưa thành niên từ đủ 15 đến dưới 18 tuổi sẽ bị xem là lao động trẻ em nếu làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm bị cấm sử dụng lao động chưa thành niên tại khoản 4 Điều 163 (không được sử dụng lao động chưa thành niên để sản xuất và kinh doanh cồn, rượu, bia, thuốc lá, chất tác động

đến tinh thần và các chất gây nghiện khác), khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Lao động 2012 (không sử dụng lao động chưa thành niên để mang, vác, nâng các vật nặng vượt quá thể trạng; sản xuất, sử dụng hoặc vận chuyển hóa chất, khí gas, chất nổ; bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc; phá dỡ các công trình xây dựng; nấu, thổi, đúc, cán, dập, hàn kim loại; Lặn biển, đánh bắt cá xa bờ; công việc khác gây tổn hại cho sức khỏe, an toàn hoặc đạo đức) và Mục II Thông tư 10/2013/TT-LĐTBXH (Trực tiếp nấu rôt và vận chuyển kim loại lỏng, tháo dỡ khuôn đúc làm sạch sản phẩm đúc ở các lò; Cán kim loại nóng; Trực tiếp luyện quặng kim loại màu (đồng, chì thiếc, thủy ngân, kẽm, bạc; Đốt và ra lò luyện cốc; Đốt lò đầu máy hơi nước; Vận hành nồi hơi; Vận hành hệ thống điều chế và nạp axetylen, oxy, hydro, clo và các khí hóa lỏng...).

Đối với người chưa thành niên dưới 18 tuổi đều bị xem là lao động trẻ em nếu làm việc ở nhưng nơi cấm sử dụng lao động chưa thành niên quy định tại khoản 1 Điều 163, khoản 2 Điều 165 Bộ luật Lao động 2012 và Mục I Thông tư 10/2013/TT-LĐTBXH. Theo khoản 1 Điều 163 Bộ luật Lao động 2012 quy định: không được sử dụng lao động chưa thành niên làm những công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc chỗ làm việc, công việc ảnh hưởng xấu tới nhân cách theo danh mục do Bộ LĐTBXH chủ trì phối hợp với Bộ Y tế ban hành. Theo khoản 2 Điều 165 Bộ luật Lao động 2012, cấm sử dụng lao động chưa thành niên làm việc ở: Dưới nước, dưới lòng đất, trong hang động, trong đường hầm; công trường xây dựng; Cơ sở giết mổ gia súc; Sòng bạc, quán bar, vũ trường, phòng hát karaoke, khách sạn, nhà nghỉ, phòng tắm hơi, phòng xoa bóp; Nơi làm việc khác gây tổn hại đến sức khỏe, sự an toàn và đạo đức của người chưa thành niên. Theo Mục I Thông tư 10/2013/TT-LĐTBXH cấm sử dụng người chưa thành niên làm việc ở những nơi tiếp xúc với các yếu tố vệ sinh môi trường lao động không đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn vệ sinh cho phép theo qui định của pháp luật hiện hành; tiếp xúc với các loại chất, tia phóng xạ, bức xạ ion hóa; tiếp xúc với các yếu tố gây bệnh truyền nhiễm; Trên giá cao hoặc dây treo cao hơn 3m so với mặt sàn làm việc; địa hình đồi núi dốc trên 30 độ (Bộ LĐTBXH, 2013).

Đối với người chưa thành niên dưới 18 tuổi sẽ bị xem là lao động trẻ em nếu làm những công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. Công việc nặng nhọc, độc hại và nguy hiểm là những công việc và nơi làm

việc bị cấm sử dụng lao động chưa thành niên theo qui định tại khoản 4 Điều 163, khoản 2 Điều 165 Bộ luật Lao động năm 2012, thông tư số 10/2013/TT-BLĐTBXH (phụ lục 2, 3), khoản d Điều 3 Công ước 182 của Tổ chức Lao động quốc tế. Trẻ em và người chưa thành niên từ 15 đến dưới 18 tuổi được xem là lao động nặng nhọc độc hại nếu làm việc trong khoảng sau 10 giờ đêm đến 6 giờ sáng hôm sau. Đồng thời người chưa thành niên dưới 18 tuổi, đều bị xem là lao động trẻ em nếu làm những công việc tồi tệ được quy định trong Công ước số 182 của Tổ chức Lao động quốc tế như mọi hình thức nô lệ hoặc tương tự nô lệ (buôn bán trẻ em, gán nợ, lao động khổ sai, lao động cưỡng bức...); sử dụng, dụ dỗ hoặc lôi kéo trẻ em làm mại dâm, tham gia sản xuất văn hóa phẩm khiêu dâm, biểu diễn khiêu dâm; sử dụng, dụ dỗ và lôi kéo trẻ em tham gia các hoạt động bất hợp pháp.

Nhìn chung, lao động trẻ em có thể được hiểu là trẻ em và người chưa thành niên làm các công việc trái quy định của pháp luật về lao động, cản trở hoặc tác động tiêu cực đến sự phát triển thể chất, trí tuệ, nhân cách của trẻ em. Lao động trẻ em được thể hiện dưới nhiều hình thức, diễn ra ở nhiều nơi, cả trong gia đình và ngoài xã hội, cả trong khu vực chính thức và phi chính thức, có tính công khai hoặc không công khai, tập trung hoặc phân tán.

Các nhà khoa học, tâm lý học, các nhà nghiên cứu nhìn nhận về mặt sinh học, tâm lý học, xã hội học của thanh niên cho rằng thanh niên trong độ tuổi từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi là một giai đoạn của quá trình xã hội hóa, là thời kỳ chuyển tiếp từ tuổi không còn là “trẻ con” sang giai đoạn “chưa hẳn là người lớn” có đặc trưng riêng về tâm sinh lý. Thanh niên ở độ tuổi này thường ham học hỏi, thích tìm tòi, khám phá những điều mới mẻ nhưng lại chưa hoàn thiện nhân cách, lập trường nên các em cần có sự giáo dục, giúp đỡ của Nhà nước, gia đình, nhà trường và xã hội. Đặc biệt là các em còn thuộc nhóm trẻ có hoàn cảnh đặc biệt hoặc có nguy cơ rơi vào nhóm trẻ đặc biệt và cần sự trợ giúp của xã hội. Trong bài viết này, hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề cho trẻ em lao động là hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề cho những trẻ em có độ tuổi từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi ở khu vực nông thôn của Việt Nam.

2.2. Thực trạng trẻ em lao động sớm và công tác hỗ trợ đào tạo nghề cho trẻ em

Theo kết quả điều tra quốc gia về lao động trẻ

em năm 2018 cho thấy trong 1.754.066 trẻ em hoạt động kinh tế thì có 1.031.944 (chiếm tỷ lệ 58,8%) lao động trẻ em, trong đó có 512.139 (chiếm tỷ lệ 49,6%) lao động trẻ em làm công việc không nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và 519.805 (chiếm tỷ lệ 50,4%) lao động trẻ em làm công việc nặng nhọc, độc hại và nguy hiểm (chủ yếu là trẻ em ở độ tuổi từ 15-17 tuổi). Tỷ lệ trẻ em trai tham gia lao động cũng gia tăng theo mức độ nặng nhọc của công việc (67,2% trẻ em trai). Đa số (84%) lao động trẻ em tại Việt Nam tập trung ở vùng nông thôn và hơn một nửa trong số đó làm việc trong khu vực nông, lâm, ngư nghiệp, số còn lại làm việc trong khu vực dịch vụ, công nghiệp và xây dựng (Tổ chức Lao động quốc tế, Bộ LĐTBXH; Viện Khoa học Lao động và xã hội, 2018). Nhận thấy, hậu quả nặng nề trên, chính phủ và các tổ chức quốc tế, cụ thể là các bộ, ngành, viện nghiên cứu, tổ chức ILO, tổ chức UNICEF... đã thực hiện nhiều nghiên cứu về trẻ em, thanh thiếu niên cũng như có nhiều chương trình, chính sách quan tâm hỗ trợ đến việc tiếp cận giáo dục và hỗ trợ đào tạo nghề cho trẻ em lao động sớm.

Báo cáo “Điều tra đánh giá các mục tiêu trẻ em và phụ nữ 2014 (Mục tiêu thiên niên kỷ)” của Tổng cục Thống kê và UNICEF (2014) đã cho thấy bên cạnh những tiến bộ Việt Nam đạt được trong việc hoàn thành mục tiêu thiên niên kỷ thì Việt Nam vẫn còn có những mục tiêu chưa hoàn thành liên quan đến cuộc sống và phúc lợi của nhóm trẻ em và phụ nữ dễ bị tổn thương, trong đó chú trọng đến nhóm phụ nữ trong độ tuổi 15-49 và trẻ em dưới 5 tuổi, riêng nhóm trẻ từ 14 đến dưới 18 tuổi chưa được nghiên cứu sâu.

Báo cáo “Sự chuyển tiếp sang thị trường lao động của thanh niên Việt Nam” của Tổng cục Thống kê và Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) (2015) đã cung cấp thông tin tổng quan về tình hình chuyển tiếp từ nhà trường sang thế giới lao động của thanh niên và nhấn mạnh đến yêu cầu thay đổi nền giáo dục đào tạo để kết nối giữa đào tạo với nhu cầu của người học và yêu cầu của thị trường lao động. Tuy nhiên, nghiên cứu lại tập trung vào đối tượng thanh niên từ 15-29 tuổi.

Báo cáo về “trẻ em ngoài nhà trường” năm 2016 của tổ chức UNICEF và Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam (2016) đã chỉ ra rằng tỷ lệ trẻ em được đi học tăng lên hàng năm, song do nhiều rào cản như hoàn cảnh gia đình nghèo, chi phí cho giáo dục vượt quá

khả năng của gia đình trẻ... dẫn đến nhiều trẻ em trong độ tuổi vị thành niên không đến trường hoặc bỏ học, đặc biệt là việc huy động trẻ em ở độ tuổi 15 đến 17 đi học vẫn khó khăn hơn với các độ tuổi nhỏ hơn.

Gần đây có báo cáo “Tổng quan chính sách phúc lợi cho thanh niên tại Việt Nam” của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (2017) đã phân tích tổng quan và các tác động của những chính sách đối với thanh niên đồng thời đưa ra những khuyến nghị để cải cách chính sách phúc lợi cho thanh niên cần được thực hiện trên nhiều mặt. Hay báo cáo về “Trương lai việc làm Việt Nam: Khai thác xu hướng lớn cho sự phát triển thịnh vượng hơn” của Ngân hàng Thế giới (WB) (2018) đã đưa ra các xu hướng mới có thể ảnh hưởng đến thị trường lao động việc làm gồm sự thay đổi của các xu hướng thương mại, tiêu dùng; sự phát triển của nền kinh tế tri thức toàn cầu, già hóa dân số, tự động hóa. Đồng thời, việc thiếu trình độ, kỹ năng hiện nay sẽ gia tăng khi các xu hướng lớn bắt đầu có ảnh hưởng đến bức tranh việc làm. Ngay cả những lao động có kỹ năng phù hợp cũng chưa chắc tìm được những việc làm phù hợp với trình độ hay sở thích của mình.

Bên cạnh các nghiên cứu trên, Việt Nam cũng đã thực hiện nhiều nghiên cứu khác như nghiên cứu về thanh thiếu niên Việt Nam (2013, 2015), những thách thức về việc làm cho thanh niên ở Việt Nam (2003),... Các báo cáo trên đã đề cập đến thực trạng giáo dục đào tạo, chăm sóc sức khỏe... của trẻ em, phụ nữ và việc làm của thanh niên cũng như sự tham gia của thanh niên vào quá trình xây dựng và thực thi chính sách. Tuy nhiên, các nghiên cứu thường được lồng ghép trong phạm vi nhóm tuổi rộng mà chưa có nghiên cứu tập trung riêng vào lứa tuổi từ đủ 15 đến dưới 18 tuổi cũng như việc khảo sát, đánh giá tình hình đào tạo nghề, nhu cầu đào tạo nghề và lao động việc làm cho riêng nhóm đối tượng này.

Khắc phục các khoảng trống trên, năm 2019, Viện Khoa học GDNN và tổ chức UNICEF (2019) đã thực hiện nghiên cứu về đào tạo nghề, hướng nghiệp và việc làm cho trẻ vị thành niên (người từ đủ 15 đến 18 tuổi). Nghiên cứu thực hiện phân tích, đánh giá thực trạng rào cản, nguyên nhân không tiếp tục đi học, công tác hướng nghiệp, tình hình việc làm, học nghề đối với các trẻ em từ đủ 15 đến dưới 18 tuổi. Nghiên cứu thu thập số liệu thuộc 5 nhóm đối tượng mục tiêu: trẻ em ngoài nhà trường (331 trẻ), trẻ em đang đi học (363 trẻ), cơ sở GDNN (47 cơ sở), phụ huynh

(65 hộ gia đình) và doanh nghiệp (72 doanh nghiệp) tại Hà Nội, Điện Biên, An Giang và Kom Tum. Kết quả cho thấy, rào cản lớn nhất khiến các em từ đủ 15 đến dưới 18 tuổi không đến trường là do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, không có tiền đóng học phí, ở nhiều gia đình các em trong độ tuổi này còn là lực lượng lao động chính của gia đình.

Với việc học nghề, nhiều trẻ cho biết các em không tìm được trường học/khóa học phù hợp, thiếu thông tin về các khóa học, đồng thời các cơ sở GDNN chưa đa dạng được ngành nghề đào tạo phù hợp với đặc thù lứa tuổi từ đủ 15 đến dưới 18, phù hợp với địa phương và nhu cầu của thị trường lao động. Nhu cầu học nghề đối với trẻ em từ đủ 15 đến dưới 18 đang ở ngoài nhà trường tương đối thấp (khoảng 36% trong tổng số các em trả lời) và các em chỉ muốn học nghề dưới 3 tháng hoặc chỉ học những kỹ năng cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc mà các em đang làm hoặc dự kiến tìm việc làm. Các hộ gia đình đang sinh sống ở miền núi có nguyện vọng tổ chức đào tạo nghề tại địa phương do điều kiện đi lại khó khăn, các nghề có nhu cầu đào tạo là các nghề nông nghiệp, sửa chữa ô tô, xe máy, may...

Chính sách hỗ trợ phổ biến nhất mà các phụ huynh mong muốn là được hỗ trợ phương tiện, công cụ hoặc tài chính để tự tạo việc làm, tiếp đến là các chính sách hỗ trợ giới thiệu việc làm sau học nghề; hỗ trợ học phí, đi lại, ăn ở. Còn các em đang đi học (trẻ trong nhà trường) lại có nhu cầu học tiếp rất cao (khoảng 95% trong tổng số các em đã có định hướng đi học tiếp). Báo cáo cũng cho thấy hàng năm có hàng nghìn trẻ em ở độ tuổi từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở nhưng không theo học trung học phổ thông hoặc cơ sở GDNN mà tham gia thị trường lao động hoặc ở nhà phụ giúp công việc gia đình. Hầu hết các em không có trình độ chuyên môn kỹ thuật nên chỉ làm những công việc giản đơn trong các doanh nghiệp nhỏ, cơ sở sản xuất kinh doanh, nông nghiệp/hộ gia đình và nhận mức lương thấp hơn so với mức lương bình quân của lao động bình thường.

Bên cạnh đó, báo cáo cũng cho thấy mặc dù công tác đào tạo nghề cho trẻ em từ đủ 15 đến 18 tuổi đã được tích hợp vào nhiều chính sách khác nhau, nhưng các cơ sở GDNN vẫn gặp khó khăn trong quá trình tuyển sinh, đào tạo và sau đào tạo, học sinh ít hứng thú với chương trình học. Trong khi đó cơ sở

vật chất, trang thiết bị học tập và nguồn kinh phí còn thiếu và chưa nhận được sự hỗ trợ cao từ phía doanh nghiệp trong việc phát triển các lĩnh vực đào tạo. Kết quả của công tác hướng nghiệp, công tác tư vấn về nghề nghiệp và việc làm còn nhiều hạn chế do khó tiếp cận trẻ em ngoài nhà trường và bị ảnh hưởng bởi chuẩn mực giới (trẻ em trai và trẻ em gái được hướng nghiệp theo các con đường sự nghiệp khác nhau). Đặc biệt là sau khi học nghề xong, các doanh nghiệp ít khi tuyển dụng trẻ từ 15 đến 18 tuổi vì trẻ thiếu kỹ năng chuyên môn và lo ngại về thủ tục pháp lý. Đây là một nghiên cứu đầy đủ và sâu về rào cản, nhu cầu học nghề, hướng nghiệp, thị trường lao động, đào tạo nghề và việc làm cho trẻ từ 15 đến dưới 18 tuổi cả trong nhà trường và ngoài nhà trường. Tuy nhiên kết quả nghiên cứu mới chỉ đại diện cho 5 thành phố, tỉnh/63 tỉnh, thành phố của Việt Nam và quy mô mẫu còn hạn chế, chưa có những đánh giá cụ thể về việc đào tạo nghề và việc làm ở nhóm trẻ từ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi tham gia lao động sớm.

Nhìn chung, công tác đào tạo nghề cho trẻ em lao động sớm ở khu vực nông thôn hiện nay được lồng ghép trong các chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (27/11/2009) (Đề án 1956) và các chính sách ưu đãi khác như chính sách hỗ trợ cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ khuyết tật, trẻ mồ côi, miễn phí học phí học nghề trong các trường trung cấp... Đồng thời, Chính phủ và các ban, ngành đoàn thể cũng đã chủ động phối hợp với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và các doanh nghiệp trong nước để hỗ trợ đào tạo nghề, giới thiệu thực tập, việc làm cho trẻ vị thành niên nói chung và trẻ em lao động sớm nói riêng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác hỗ trợ đào tạo nghề cho trẻ em lao động sớm ở khu vực nông thôn vẫn gặp nhiều khó khăn. Trong kế hoạch dạy nghề của một số địa phương không có chỉ tiêu đào tạo nghề cho trẻ em lao động sớm và không bố trí kinh phí riêng để tổ chức dạy nghề, tạo việc làm cho độ tuổi này. Trẻ em có nhu cầu học nghề sẽ học các lớp đào tạo nghề ngắn hạn cùng với các đối tượng khác, tuy nhiên nhiều em học một số nghề phi nông nghiệp nhưng không tìm được việc làm do thị trường tại chỗ không có nhu cầu và do tay nghề của các em chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế; một số em học nghề nông nghiệp nhưng gia

đình lại không có đất sản xuất, không đủ nguồn lực để đầu tư khởi nghiệp.

Về việc tổ chức lớp học nghề tại khu vực nông thôn còn nhiều hạn chế về cơ sở vật chất, trang thiết bị học tập và kinh phí chi trả cho giáo viên. Đặc biệt, nhiều trẻ em lao động sớm và gia đình các em có tâm lý không thích đi học nghề, chỉ muốn đi làm kiếm tiền phụ giúp gia đình mà không muốn tiếp tục đi học. Với các em đã nghỉ học, được hỗ trợ đi học nghề thì lại quen với việc được “tự do”, trong khi môi trường đào tạo nghề yêu cầu kỷ luật và nỗ lực học tập nên dễ khiến trẻ nản lòng và bỏ cuộc, nhất là đối với các em có khả năng tiếp thu chậm.

Ngoài ra, trẻ em ở độ tuổi vị thành niên và có hoàn cảnh gia đình khó khăn thường muốn làm việc ngay để kiếm tiền nhanh chóng cho chi phí của mình và đóng góp vào thu nhập gia đình nên các em có thể bỏ học nghề giữa chừng nếu cảm thấy không thích hoặc không có cơ hội việc làm. Vì vậy, nếu hỗ trợ đào tạo nghề cho trẻ em lao động sớm theo phương pháp hiện tại thì rất khó có thể huy động được trẻ đến lớp, duy trì sĩ số và đạt được kết quả cuối cùng trong việc đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho nhóm trẻ này.

3. Phương pháp QLTH

3.1. Khái niệm

QLTH hay còn gọi là quản lý ca (tiếng Anh là Case Management). Rapp (1992) cho rằng QLTH là “hỗ trợ bệnh nhân tái nhận thức về các nguồn lực bên trong như sự thông minh, tài năng và khả năng giải quyết vấn đề; thiết lập và thương lượng các quy tắc làm việc và giao tiếp giữa bệnh nhân và các nguồn lực bên ngoài; và biện hộ vận động các nguồn lực bên ngoài để tăng cường tính liên tục, khả năng tiếp cận, tinh thần trách nhiệm và tính hiệu quả của những nguồn lực đó”. Theo Johnson (1995), QLTH là “sự điều phối các dịch vụ và trong quá trình này nhân viên xã hội làm việc với thân chủ để xác định dịch vụ cần thiết, tổ chức và theo dõi sự chuyển giao các dịch vụ đó tới thân chủ có hiệu quả”. Theo Ballew và Mink (1996) thì QLTH là sự “giúp đỡ những người mà cuộc sống của họ không thỏa mãn hay không phong phú do gặp nhiều vấn đề cần sự trợ giúp cùng lúc của nhiều nơi giúp đỡ”.

Riêng Barker (1999), soạn giả trị liệu tâm lý về CTXH cho rằng QLTH là một tiến trình nhân viên xã hội thay mặt thân chủ lập kế hoạch, tìm kiếm và

giám sát các dịch vụ từ các tổ chức xã hội. Theo tiến trình thời gian và mục đích ứng dụng, quan điểm về QLTH cũng được điều chỉnh để phù hợp với từng lĩnh vực cụ thể hoặc theo sự phát triển của xã hội. Hiệp hội CTXH thế giới định nghĩa QLTH là sự điều phối mang tính chuyên nghiệp các dịch vụ xã hội và dịch vụ khác nhằm giúp cá nhân hay gia đình đáp ứng nhu cầu được bảo vệ hay chăm sóc (lâu dài) (National Association of Social Workers, 08/2010).

Trong khi đó Hiệp hội các nhà QLTH của Mỹ cho rằng QLTH là quá trình tương tác, điều phối bao gồm các hoạt động đánh giá, lên kế hoạch và tổ chức điều động về chính sách/quan điểm, dịch vụ, nguồn lực nhằm đáp ứng nhu cầu của thân chủ sao cho sự cung cấp dịch vụ tới cá nhân có hiệu quả với chi phí giảm và có chất lượng (Case Management Society of America (CMSA), 2017).

Ở Việt Nam, tổ chức USAID, WWO và Trường Đại học Lao động - Xã hội, cơ sở II thành phố Hồ Chí Minh (ULSA2) (2010) cho rằng QLTH là một tiến trình trợ giúp mang tính chuyên môn và tiến trình QLTH với trẻ em được xác định gồm có 06 bước, cụ thể là tiếp nhận ca, đánh giá, lập kế hoạch can thiệp, thực hiện kế hoạch can thiệp, giám sát - lượng giá và kết thúc ca.

Riêng Nguyễn & cs. (2013), Nguyễn & cs. (2014) cho rằng “QLTH là một quá trình trợ giúp của CTXH”, “một tiến trình hợp tác giữa các nhà chuyên môn với các hoạt động đánh giá nhu cầu thân chủ (cá nhân, gia đình), xác định, kết nối và điều phối các nguồn lực, dịch vụ nhằm giúp thân chủ tiếp cận nguồn lực để giải quyết vấn đề và đáp ứng nhu cầu một cách hiệu quả”, trong đó tiến trình QLTH với người nghiện ma túy sẽ bao gồm 05 bước cụ thể là xây dựng mối quan hệ và đánh giá khách hàng, xây dựng kế hoạch; hỗ trợ khách hàng thực hiện kế hoạch; giám sát hỗ trợ khách hàng và lượng giá, kết thúc.

Mặc dù có nhiều định nghĩa khác nhau về QLTH, song các định nghĩa này đều nhấn mạnh rằng QLTH là một quá trình hỗ trợ, giúp đỡ mang tính chuyên môn nhằm giúp thân chủ tiếp cận được với các nguồn lực để giải quyết vấn đề của mình một cách hiệu quả. Và với mỗi đối tượng/ khách hàng hoặc lĩnh vực trợ giúp khác nhau thì tiến trình QLTH lại được thực hiện theo từng bước cụ thể. Trong phạm vi của bài viết này, QLTH trong hỗ trợ đào tạo nghề cho trẻ em từ 15 đến dưới 18 tuổi ở khu vực nông thôn

được hiểu là một quá trình trợ giúp của CTXH, bao gồm các hoạt động đánh giá nhu cầu học nghề của trẻ, đánh giá mặt mạnh, mặt yếu của trẻ, tư vấn hướng nghiệp cũng như xác định, kết nối và điều phối các nguồn lực, dịch vụ nhằm giúp trẻ em lao động sớm tiếp cận, duy trì, hoàn thành khóa học nghề và tìm kiếm được việc làm phù hợp. Ngoài ra, QLTH cũng hỗ trợ trẻ lao động sớm và gia đình các em tiếp cận được với các dịch vụ xã hội hiện có tại địa phương để giải quyết các vấn đề đang gặp phải.

3.2. Ưu, nhược điểm của phương pháp QLTH

QLTH là phương pháp không thể thiếu của CTXH thực hành và nó được vận dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực liên quan đến con người. Đặc biệt là đối với các cá nhân có những nhu cầu phức tạp, nguồn lực bản thân hạn chế thì việc can thiệp, trợ giúp bằng phương pháp QLTH sẽ đem lại hiệu quả hơn so với các phương pháp can thiệp khác. Bởi lẽ, phương pháp QLTH là một phương pháp có khái niệm, lý thuyết, kỹ thuật, kỹ năng và tiến trình cụ thể nên dễ vận dụng, áp dụng trên thực tiễn. Đồng thời, phương pháp này còn giúp cho nhân viên CTXH có được quy trình quản lý, hỗ trợ cho khách hàng/thân chủ một cách xuyên suốt từ tiếp nhận, đánh giá nhu cầu, tổ chức thực hiện, cung cấp dịch vụ và giám sát đánh giá. Đặc biệt là việc áp dụng quy trình QLTH giúp giải quyết các vấn đề phức tạp và đa dạng hiện nay của nhiều nhóm khách hàng, nhất là trong khâu kết nối, điều phối và hỗ trợ khách hàng tiếp cận được các dịch vụ cần thiết có chất lượng và có hiệu quả.

Ngoài ra, QLTH cũng giúp cho nhân viên CTXH ghi chép, lưu giữ hồ sơ của khách hàng một cách an toàn, bảo mật và theo quy trình chuyên nghiệp, đồng nhất. Tuy nhiên, QLTH chỉ là một phương pháp của CTXH, vì thế để có thể cung cấp các dịch vụ tốt cho khách hàng/thân chủ, nhân viên CTXH vẫn cần nắm chắc và kết hợp linh hoạt các phương pháp thực hành chính của CTXH bao gồm CTXH cá nhân, CTXH nhóm và phát triển cộng đồng. Hơn nữa, nhu cầu, ước muốn và sự quan tâm của khách hàng/thân chủ thường mang tính đặc thù, đa dạng và phức tạp nên ngoài việc thực hiện công việc chuyên môn, nhân viên CTXH cần phải xây dựng được một mạng lưới dịch vụ phong phú để việc cung cấp các dịch vụ cho khách hàng/thân chủ được hữu hiệu (cần kết nối với hệ thống cung cấp dịch vụ xã hội trong cộng đồng và được sự đồng thuận và cam kết của các cơ sở cung cấp dịch vụ này).

4. Vận dụng phương pháp QLTH trong hỗ trợ đào tạo nghề cho trẻ em lao động sớm ở khu vực nông thôn

4.1. Ý nghĩa của hỗ trợ đào tạo nghề cho trẻ lao động sớm ở khu vực nông thôn bằng phương pháp QLTH

Trẻ em lao động sớm là nhóm trẻ có hoàn cảnh đặc biệt và dễ bị tổn thương. Hầu hết các em đều xuất thân từ những gia đình nghèo, khó khăn, mồ côi cha hoặc mẹ hoặc mồ côi cả cha lẫn mẹ, cha mẹ ly hôn. Trong khi đó, hệ thống bảo vệ chăm sóc, hỗ trợ về thể chất, tâm lý, cơ hội tiếp cận giáo dục phổ thông, giáo dục chuyên nghiệp và học nghề, việc làm cho nhóm trẻ này lại chưa hoàn thiện, còn chông chéo. Đôi khi, chính sách đã được ban hành và nguồn lực đã có sẵn tại địa phương nhưng lại chưa kết nối được với các em, thậm chí có những trẻ và gia đình trẻ lại không có khả năng tiếp cận với các nguồn lực để giải quyết vấn đề, nhu cầu và mong muốn chính đáng của mình. Sống trong điều kiện hoàn cảnh khó khăn, không được đáp ứng nhu cầu cơ bản, trẻ em tham gia lao động sớm sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc phát triển thể chất, tâm lý cũng như cơ hội tiếp cận với giáo dục phổ thông và GDNN. Điều này ảnh hưởng đến tương lai của trẻ cũng như tác động tiêu cực đến chất lượng nguồn nhân lực tương lai của đất nước.

Với những ưu điểm của mình, phương pháp QLTH được xem là một phương pháp phổ biến và hữu hiệu của CTXH dùng để quản lý và điều phối việc cung cấp các dịch vụ giáo dục và việc làm cho nhóm trẻ lao động sớm. Những hoạt động như điều phối, vận động, biện hộ, tăng năng lực, kết nối nguồn lực, lấy thân chủ làm trọng tâm, xây dựng mạng lưới trong QLTH sẽ giúp trẻ em lao động sớm và gia đình các em dễ dàng tiếp cận được với những dịch vụ và nguồn lực mà trẻ hoặc gia đình trẻ không tiếp cận được để giải quyết hay đáp ứng nhu cầu của mình.

Điều đặc biệt, phương pháp QLTH là phương pháp mang tính toàn diện và phù hợp với các đặc trưng văn hóa, điều kiện kinh tế, nguồn lực, điểm mạnh của trẻ lao động sớm, gia đình trẻ và cả địa phương nơi trẻ sinh sống. Hơn nữa, mỗi trẻ lao động sớm có khả năng khác nhau, mức độ tiếp nhận kiến thức và hoàn cảnh gia đình khác nhau, do đó nhu cầu học nghề của mỗi trẻ là khác nhau và cách dạy nghề cho mỗi trẻ cũng là khác nhau. Điều đó, yêu cầu việc hỗ trợ đào tạo nghề cho nhóm trẻ này phải theo từng trường hợp

hoặc phải được áp dụng theo phương pháp QLTH trong việc cung cấp dịch vụ cho nhóm trẻ này.

Bên cạnh đó, phương pháp QLTH còn tạo nên sự gắn kết, phối hợp bền chặt của nhiều bên liên quan, do các hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề cần sự tham gia và cam kết của nhiều địa phương, các cơ quan và cá nhân trong cộng đồng. Do đó, nó góp phần huy động được nhiều nguồn lực hơn để hỗ trợ trẻ em từ cơ sở dạy nghề và các chính sách của Chính phủ đối với việc miễn, giảm học phí đào tạo hoặc các chính sách cho gia đình của các em.

Đặc điểm của trẻ em lao động sớm là dễ nản lòng và bỏ cuộc, và thường muốn làm công việc nào đó bất chấp nhân công rẻ để kiếm tiền nhanh chóng cho chi phí của bản thân hoặc đóng góp vào thu nhập của gia đình. Do đó, họ sẵn sàng bỏ nếu không còn cảm thấy quan tâm đến việc học hoặc nếu có cơ hội việc làm. Vì vậy việc cộng tác chặt chẽ và thường xuyên với các cơ sở đào tạo nghề, mạng lưới hỗ trợ trẻ trong toàn bộ quá trình học nghề của mỗi trẻ sẽ giúp cho việc theo dõi chặt chẽ tình hình học tập của các em cũng như tạo sự gần gũi và cung cấp cho các em lời khuyên, sự động viên, biện pháp can thiệp kịp thời để chúng theo đuổi việc học nghề thành công. Điều này giúp cho việc hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho trẻ trở nên hiệu quả hơn.

4.2. Các bước thực hiện QLTH trong hỗ trợ đào tạo nghề cho trẻ em lao động sớm ở khu vực nông thôn

Trong bối cảnh hiện nay, khi mà các dịch vụ xã hội thường phân tán và không thể đáp ứng toàn diện các nhu cầu của thân chủ hoặc thân chủ không biết đến các dịch vụ mà họ thuộc diện được hưởng lợi thì QLTH là một quy trình hoạt động đem lại cho thân chủ một sự hỗ trợ hiệu quả và toàn diện.

Trong công tác hỗ trợ đào tạo nghề cho trẻ em lao động sớm ở khu vực nông thôn, nhân viên QLTH sẽ đóng vai trò điều phối và giám sát hoạt động để thúc đẩy tiến trình hoạt động đáp ứng nhu cầu của các em. Trong tiến trình hỗ trợ này, nhân viên QLTH cần tiếp cận đa bên để có sự tham gia và cam kết của nhiều cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường, gia đình và cá nhân trong việc hỗ trợ trẻ hoàn thành khóa học nghề và có việc làm ổn định. Nhân viên QLTH trong hỗ trợ đào tạo nghề cho trẻ em lao động sớm có thể là nhân viên chuyên trách hoặc cán bộ lao động, thương binh, xã hội xã/phường/thị trấn có kiến thức

và kỹ năng chuyên môn về CTXH và QLTH. Tuy nhiên, nếu là nhân viên chuyên trách thì cần phải có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ với cán bộ phụ trách gia đình và trẻ em ở địa phương để đem lại hiệu quả giúp đỡ cao nhất cho trẻ.

Nhóm trẻ em lao động sớm ở khu vực nông thôn là nhóm trẻ mang nhiều nét đặc thù riêng cả về hoàn cảnh gia đình (gia đình nghèo không có khả năng đầu tư cho trẻ học nghề) và tâm sinh lý. Vì vậy, nhu cầu học nghề của các em cũng rất đa dạng và việc hỗ trợ đào tạo nghề cho các em cần được miễn phí.

Dựa trên trình độ học vấn, nhu cầu học nghề của từng em, các loại hình hỗ trợ đào tạo nghề thích hợp cần xem xét đến độ tuổi, nhu cầu học nghề và trình độ học vấn của từng trẻ. Đối với trẻ em lao động sớm đã tốt nghiệp trung học cơ sở và có nhu cầu học nghề, học văn hóa thì cần cung cấp dịch vụ đào tạo chính thức, học thuật và kết nối gửi trẻ đến các trường trung cấp, cao đẳng GDNN (các trường này có chính sách miễn, giảm học phí). Riêng với trẻ em học vấn thấp, kinh tế khó khăn, phải tham gia lao động kiếm sống và là người đem lại thu nhập chính trong gia đình, không thể theo học ở các trường học thì cần cung cấp dịch vụ học nghề ngắn hạn dành cho trẻ từ 17 đến dưới 18 tuổi, và dịch vụ học nghề, thực tập nghề/học việc tại các doanh nghiệp, cửa hàng địa phương (phù hợp với điều kiện đi lại, hoàn cảnh và công việc) cho trẻ có độ tuổi từ 15 đến dưới 17 tuổi. Để hỗ trợ đào tạo nghề cho trẻ em lao động sớm ở khu vực nông thôn được hữu hiệu, nhân viên QLTH cần phải phối hợp với các bên liên quan thực hiện tham vấn hướng nghiệp cho từng trẻ và gia đình trẻ để các em có những định hướng, quyết định tương lai phù hợp với khả năng, năng lực của mình. Đồng thời, nhân viên QLTH cần tiếp cận, tư vấn, tác động thay đổi nhận thức của phụ huynh về tầm quan trọng của giáo dục và đào tạo nghề đối với sự phát triển lâu dài của trẻ và vai trò của họ trong việc khuyến khích, thúc đẩy con cái học nghề phù hợp. Về kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề cho trẻ, nhân viên quản lý ca có thể kết nối từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm cả các hỗ trợ từ chương trình của chính phủ (như chương trình năm 1956) và các tài trợ từ doanh nghiệp, dự án phi chính phủ để trẻ em lao động sớm ở khu vực nông thôn có thể tiếp cận được các khóa học chất lượng tại các trường học, doanh nghiệp có uy tín. Bên cạnh đó, nhân viên QLTH cần tìm kiếm và làm việc, hợp tác với các cơ sở đào tạo nghề khác nhau để cung cấp dịch vụ phù

hợp cho những trẻ em lao động sớm mà mình quản lý (đáp ứng nhu cầu học nghề đa dạng của từng em, xây dựng chương trình đào tạo nghề phù hợp và hiệu quả, tổ chức đào tạo nghề cho các em); cộng tác một cách chặt chẽ và thường xuyên với các cơ sở đào tạo nghề trong quá trình hỗ trợ từng trẻ và gia đình các em nhằm theo dõi sát sao tình hình học tập và những biến động trong cuộc sống của trẻ để đưa ra các biện pháp can thiệp cần thiết, kịp thời, đảm bảo trẻ hoàn thành khóa học nghề theo kế hoạch đề ra. Ngoài ra, căn cứ vào tình trạng của trẻ và các quy định cụ thể tại địa phương, nhân viên QLTH cần tìm hiểu thông tin về các dịch vụ sẵn có để giới thiệu, kết nối khi trẻ và gia đình các em có nhu cầu (như hỗ trợ phát triển kinh tế hộ gia đình và tăng thu nhập cho các hộ gia đình có trẻ em tham gia học nghề, nâng cao năng lực của các hộ sản xuất kinh doanh, phát triển, cải thiện thiết kế mẫu mã sản phẩm và tìm thị trường cho các sản phẩm nông nghiệp...).

Các bước vận dụng phương pháp QLTH trong hỗ trợ đào tạo nghề cho trẻ em lao động sớm:

Bước 1: Hỗ trợ đào tạo nghề cho trẻ em lao động sớm là một quá trình hỗ trợ lâu dài, trước khi thực hiện, nhân viên QLTH cần phải thu thập thông tin ban đầu của từng trẻ như họ tên, tuổi, trình độ học vấn, tình trạng sức khỏe, xác định thông tin về mức độ lao động trẻ em, điều kiện làm việc của các em, thời gian làm việc, tình hình học tập, nguyên nhân các em phải tham gia lao động, việc làm của cha mẹ, nguồn thu nhập của gia đình, nhu cầu hỗ trợ học nghề của trẻ và gia đình các em, xác định năng khiếu, khả năng nghề nghiệp của trẻ, lập hồ sơ của từng trẻ có nguyện vọng và đủ điều kiện học nghề.

Bước 2: Từ kết quả khảo sát thông tin ban đầu của từng trẻ, nhân viên QLTH cần làm việc với các bên liên quan như lãnh đạo địa phương, các cơ sở giáo dục, các doanh nghiệp, nhà tài trợ, các tổ chức chính trị xã hội... để xác định nhu cầu lao động của địa phương, hướng phát triển, chính sách, chương trình hỗ trợ cho trẻ em lao động sớm và cả cơ chế phối hợp, giải pháp cải thiện điều kiện làm việc, tạo việc làm phù hợp với độ tuổi của trẻ em. Đồng thời, tổ chức, thực hiện tham vấn/ tư vấn hướng nghiệp cho trẻ và cha mẹ của các em để thảo luận về nguyện vọng, mong muốn học nghề của các em và gia đình, trao đổi các khó khăn, thách thức; đồng thời yêu cầu gia đình và trẻ em cam kết sẽ hợp tác trong thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề cho trẻ và các hỗ trợ khác nếu

có. Việc tư vấn/tham vấn hướng nghiệp có thể tổ chức tập trung hoặc theo nhóm nhỏ hoặc tham vấn cá nhân hoặc kết hợp nhiều phương pháp. Trong các buổi tham vấn, ngoài nhân viên quản lý ca, trẻ em và gia đình trẻ thì cần có sự tham gia của doanh nghiệp, cơ sở GDNN, quản lý địa phương để lắng nghe các nguyện vọng và nhu cầu của trẻ; cung cấp thông tin về quyền trẻ em, lao động trẻ em, luật pháp về lao động trẻ em, tầm quan trọng của giáo dục và đào tạo nghề để có việc làm bền vững, các chính sách hỗ trợ, các ngành nghề phù hợp, thị trường việc làm cũng như thảo luận cách thức hỗ trợ phù hợp và đưa ra những yêu cầu về việc cam kết hợp tác giữa trẻ, gia đình trẻ với các tổ chức, cá nhân thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề cho các em. Từ đó, giúp trẻ và gia đình xem xét, lựa chọn học nghề phù hợp với khả năng, năng lực và nguồn lực của mình.

Bước 3: Sau khi trẻ quyết định được nghề sẽ theo học, nhân viên QLTH cùng với trẻ lập kế hoạch nghề nghiệp cá nhân. Kế hoạch nghề nghiệp này cần phải được định hướng dựa trên sự quan tâm, nhu cầu và những ước muốn của trẻ em lao động sớm theo hướng “lấy thân chủ làm trung tâm”. Kế hoạch phải được tập trung và dẫn dắt bởi chính nhu cầu của trẻ, quan trọng hơn, bản thân trẻ phải cảm nhận được mình là chủ của bản kế hoạch nghề nghiệp của chính các em. Bởi vậy, kế hoạch được lập với sự “lựa chọn” tham gia của trẻ, từ đó tăng các cơ hội và khả năng thành công trong việc hỗ trợ đào tạo nghề cho trẻ em lao động sớm. Đồng thời, nhân viên QLTH cần thực hiện lập hồ sơ QLTH, nhập cơ sở dữ liệu/ thông tin quản lý và giám sát, hỗ trợ cho trẻ trên hệ thống phần mềm quản lý. Bên cạnh đó, nhân viên QLTH cũng cần làm việc với các bên liên quan để trao đổi về việc lựa chọn cơ sở đào tạo nghề phù hợp và có khả năng đáp ứng được những yêu cầu và tiêu chí dạy nghề cho nhóm trẻ em lao động sớm, và huy động, lồng ghép nguồn lực hỗ trợ cho lớp học nghề từ các chương trình hiện có để hỗ trợ một cách tốt nhất cho từng trẻ (trẻ đã tốt nghiệp trung học cơ sở có nhu cầu học trung cấp, cao đẳng nghề và trẻ ngoài nhà trường). Để bảo đảm tính bền vững, nhiều gia đình có trẻ em tham gia lao động trái quy định của pháp luật còn cần được xem xét, kết nối học nghề để ổn định sinh kế, tăng thu nhập...

Bước 4: Sau khi đã lựa chọn được cơ sở đào tạo nghề phù hợp với từng trẻ, nhân viên QLTH làm việc với các cơ sở GDNN này để thảo luận về nội dung, cách thức hỗ trợ đào tạo nghề, các tiêu chí quan trọng

trong việc xây dựng chương trình dạy nghề cho trẻ em lao động sớm (tiêu chí về nơi học cần dễ tiếp cận, tính khả thi của nghề nghiệp; chương trình, thời gian học hợp lý; phương pháp đào tạo gây hứng thú và thu hút sự tham gia của trẻ em và gia đình; cách học thực hành, thực tập; trình độ đầu ra, loại chứng chỉ và hỗ trợ toàn diện cho trẻ sau đào tạo).

Bước 5: Gửi trẻ đến cơ sở đào tạo nghề phù hợp, ký kết hợp đồng, cam kết hỗ trợ đào tạo nghề cho trẻ với các doanh nghiệp, cơ sở dạy nghề và thực hiện theo dõi, giám sát, đánh giá quá trình học nghề của trẻ thường xuyên và hỗ trợ trẻ khi họ có nhu cầu. Trong bước này, nhân viên QLTH, trẻ và cơ sở đào tạo nghề có thể điều chỉnh kế hoạch nghề nghiệp của trẻ cho phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế.

Bước 6: Cùng với trẻ, cơ sở dạy nghề lượng giá, đánh giá trình độ và kỹ năng tay nghề của trẻ, xem xét đến việc chuyển tiếp sang giai đoạn thực tập, tốt nghiệp và thử việc/ phụ việc (đối với những trẻ từ 15 đến dưới 18 tuổi) hoặc đi làm đối với những trẻ đủ 18 tuổi trở lên (nên hỗ trợ, theo dõi và giám sát trẻ phụ việc hoặc đi làm ít nhất là 3 tháng).

Bước 7: Kết thúc quá trình hỗ trợ đào tạo nghề của trẻ hoặc tiếp tục hỗ trợ trẻ nếu trẻ có nhu cầu.

5. Kết luận

Trẻ em nói chung và trẻ em lao động sớm ở khu vực nông thôn nói riêng đều là tương lai của đất nước. Chính vì vậy, các em cần được tạo điều kiện, cơ hội để phát triển toàn diện cả về thể lực, trí lực và nuôi dưỡng ước mơ của mình. Bên cạnh các chương trình, chính sách chăm sóc và bảo vệ trẻ em, trẻ em lao động sớm ở độ tuổi từ 15 đến dưới 18 tuổi cần được quan tâm hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp để các em có một tương lai vững chắc, bước vào thế giới việc làm đàng hoàng khi trưởng thành, vươn lên thoát nghèo và đóng góp tích cực cho xã hội, cho gia đình và cho cộng đồng. Nhận biết được vai trò của đào tạo nghề cho trẻ em lao động sớm, trong những năm qua, nhiều hoạt động hỗ trợ học nghề cho trẻ từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi đã được thực hiện thông qua những chương trình, chính sách về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, chính sách hướng nghiệp, phân luồng và đào tạo nghề cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở. Tuy nhiên, cách triển khai các lớp học vẫn chưa thể hiện được sự tham gia có trách nhiệm của liên ngành, sự lồng ghép, huy động nguồn lực của nhà nước và địa phương, sự tham gia, hỏi ý kiến của trẻ

em và gia đình các em nên số lượng trẻ lao động sớm tham gia học nghề còn hạn chế, một số em tham gia khóa học lại chưa tìm được việc làm phù hợp hoặc bỏ học nghề giữa chừng do gia đình gặp khó khăn về tài chính, bản thân trẻ gặp áp lực và trách nhiệm kinh tế với gia đình....

QLTH là một phương pháp can thiệp của ngành CTXH. Với phương pháp này, các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, tổ chức, cá nhân sẽ được huy động, liên kết để tạo điều kiện tốt nhất, phù hợp nhất cho trẻ lao động sớm được tham gia học nghề phù hợp với năng lực và nguồn lực của địa phương. Đồng thời, trẻ lao động sớm sẽ được chủ động và là trọng tâm trong kế hoạch phát triển nghề nghiệp của mình dưới sự hỗ trợ của nhân viên QLTH. Tuy nhiên, để ứng dụng phương pháp quản lý ca trong hỗ trợ đào tạo nghề cho trẻ em lao động sớm ở khu vực nông thôn đạt kết quả tốt thì bên cạnh những kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nhân viên QLTH cần nỗ lực kiên trì cùng với địa phương vận động cha mẹ các em nghỉ ngày làm việc để tham gia tập huấn hay truyền thông về lao động trẻ em, ảnh hưởng của lao động trẻ em, tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với tương lai của trẻ; kiên trì phối hợp các ngành, các cấp trong tất cả các khâu; tìm kiếm giải pháp để duy trì số lượng và chất lượng tham gia học nghề có chất lượng của trẻ; nỗ lực vận động, tham vấn, truyền thông, giám sát chặt chẽ hoạt động học nghề, và kết nối với kế hoạch phát triển về kinh tế, văn hóa cũng như truyền thống nghề của chính quyền địa phương, của các đối tác và gia đình các em. Bên cạnh đó, ngoài việc hỗ trợ cho thân chủ (trẻ em lao động sớm), nhân viên QLTH cần kết nối nguồn lực để hỗ trợ sinh kế ổn định cho gia đình trẻ nhằm giúp các gia đình có thể thay đổi cách thức và điều chỉnh công việc của con em họ, và góp phần đưa trẻ em ra khỏi lao động trẻ em. Ngoài ra, hỗ trợ đào tạo nghề cho trẻ chưa thành niên cần phải tính đến nhu cầu của các em, và việc dạy nghề chỉ hiệu quả khi gắn với việc làm bền vững cho các em sau này, khi đến tuổi lao động được luật pháp cho phép./.

Tài liệu tham khảo

Ballew, J. R., & Mink, G. (1996). *Case management in social work: Developing the professional skills needed for work with multi problem clients (2nd ed.)*. Springfield, IL: Charles C Thomas Publisher, 3.

- Barker, R. L. (1999). *The Social work dictionary (4th ed)*. National Association of Social Workers. Washington, DC, 65.
- Bộ LĐTBXH. (2013). *Thông tư Ban hành danh mục và nơi làm việc cấm sử dụng lao động là người chưa thành niên*. Ban hành ngày 10/06/2013. Số 10/2013/TT - BLĐTBXH.
- Bộ LĐTBXH. (11/06/2013). *Thông tư Ban hành danh mục công việc nhẹ được sử dụng người dưới 15 tuổi làm việc*. Số 11/2013/TT - LĐTBXH.
- Case Management Society of America (CMSA). (2017). What is a case manager?. *Cmsa*. Retrieved from <https://www.cmsa.org/who-we-are/what-is-a-case-manager/>.
- Đỗ, H. (20/9/2009). Cả nước có gần 2.000 cơ sở GDNN. *Haiquanonline*. Truy cập từ <https://haiquanonline.com.vn/ca-nuoc-co-gan-2000-co-so-giao-duc-nghe-nghiep-111905.html>.
- Đức, T. (30/7/2020). Khó khăn trong công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn và một số kiến nghị. *Laodongxahoi*. Truy cập từ <http://laodongxahoi.net/kho-khan-trong-cong-tac-dao-tao-nghe-cho-lao-dong-nong-thon-va-mot-so-kien-nghi-1316210.html>.
- Luise, J. (1995). *Social work practice - General approach*. Brooks/Cole Publishing Company.
- National Association of Social Workers (NASW). (08/2010). Standard for Social work case management. *Naswdc*. Retrieved from http://www.naswdc.org/practice/standards/sw_case_mgmt.asp.
- Liên Hiệp Quốc. (2015). *Báo cáo Thanh thiếu niên Việt Nam - những thách thức về việc làm cho thanh niên ở Việt Nam*.
- Liên Hợp Quốc. (2/9/1990). *Công ước về quyền trẻ em (CRC)*. Việt Nam phê chuẩn ngày 20/2/1990.
- Ngân hàng Thế giới (WB). (2018). *Tương lai việc làm Việt Nam: Khai thác xu hướng lớn cho sự phát triển thịnh vượng hơn*.
- Nguyễn, H. L., & cs. (2014). *Tài liệu QLTH với người sử dụng ma túy (Tài liệu tập huấn cho cán bộ cơ sở)*. Trường Đại học Lao động - Xã Hội: NXB Lao động - Xã hội.

- Nguyễn, T. H., & cs. (2013). *Giáo trình QLTH với người sử dụng ma túy (dùng cho hệ đại học)*. Trường Đại học Lao động - Xã Hội, 14.
- Quốc hội. (18/6/2012). *Bộ Luật Lao động năm 2012*, số 10/2012/QH13.
- Quốc hội. (05/4/2016). *Luật Trẻ em 2016*, số 102/2016/QH13.
- Quốc hội. (24/11/2015). *Bộ Luật Dân sự 2015*, số 91/2015/QH13.
- Rapp et al. (1992). Case Management: Systems and Practice. *Social Casework*, 83.
- Tổ chức Lao động quốc tế, Bộ LĐTBXH; Viện Khoa học lao động và xã hội. (2018). *Điều tra Quốc gia về lao động trẻ em*.
- Tổ chức Lao động quốc tế. (1999). *Công ước Nghiêm cấm và hành động khẩn cấp xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất* (công ước 182).
- Tổ chức Lao động quốc tế. (1973). *Công ước về tuổi lao động tối thiểu* (Công ước 138), Việt Nam gia nhập ngày 24/6/2003.
- Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD). (2017). *Tổng quan chính sách phúc lợi cho thanh niên tại Việt Nam*.
- Tổng cục Thống kê và UNICEF. (2014). *Điều tra đánh giá các mục tiêu trẻ em và phụ nữ 2014 (Mục tiêu thiên niên kỷ)*.
- Tổng cục Thống kê và Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO). (2015). *Sự chuyển tiếp sang thị trường lao động của thanh niên Việt Nam*.
- Thủ tướng Chính phủ. (27/11/2009). *Quyết định Phê duyệt Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020*, số 1956/QĐ-TTg (Đề án 1956).
- UNICEF và Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam. (2016). *Báo cáo về “trẻ em ngoài nhà trường” năm 2016*.
- USAID, WWO và Trường Đại học Lao động - Xã hội, cơ sở II thành phố Hồ Chí Minh (ULSA2). (2010). *Tài liệu Quản lý ca - Dự án nâng cao năng lực các Dịch vụ hỗ trợ tâm lý - xã hội cho trẻ em dễ bị tổn thương*.
- Viện Khoa học GDNN. (2019). *Báo cáo GDNN Việt Nam 2018*. Hà Nội: NXB Thanh niên.
- Viện Khoa học GDNN và tổ chức UNICEF. (2019). *Đào tạo nghề, hướng nghiệp và việc làm cho trẻ vị thành niên (người từ đủ 15 đến 18 tuổi)*. Hà Nội.
- Vũ, X. H. (Chủ biên) & cs. (2017). *Báo cáo GDNN Việt nam 2015, Viện Khoa học GDNN*. Tổng cục GDNN. Hà Nội: NXB Thanh niên.